

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỦY NGUYÊN  
THÀNH PHỐ H PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 489/2017/HNGĐ-ST  
Ngày: 07 - 8 - 2017  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ H PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Đông;
2. Ông Hoàng Đức Cảnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố H Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố H Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và ngày 07 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 224/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 267/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Phạm Văn N, sinh năm 1966; cư trú tại Thôn 1, xã T, huyện T, thành phố H Phòng; có mặt.

**- Bị đơn:** Bà Đồng Thị Mai H, sinh năm 1968; cư trú tại Thôn 1, xã T, huyện T, thành phố H Phòng; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Ông Phạm Văn N là nguyên đơn (qua đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa) trình bày: Ông và bà Đồng Thị Mai H qua quen biết, phát sinh tình cảm rồi đi đến hôn nhân tự nguyện. Ông và bà H đã đăng ký kết hôn ngày 22/3/1991 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố H Phòng. Sau khi được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, ông và bà H về chung sống cùng nhau tại địa chỉ cư trú hiện tại. Quá trình chung sống hạnh phúc, ông và bà H có hai con chung. Cuối năm 2008, vợ chồng gặp khó khăn trong làm ăn kinh tế, từ đó dẫn đến mâu thuẫn

trong tất cả mọi việc. Vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong sinh hoạt gia đình. Bà H thường xuyên đi làm ăn xa, không nói cho ông và các thành viên trong gia đình biết. Ông cho rằng bà H sống không thật với ông và ông đã mất niềm tin ở bà H. Nay ông không còn tình cảm với bà H nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H. Ông và bà H có hai con chung là Phạm Văn H, sinh ngày 24/02/1992 và Phạm Thị Mai A, sinh ngày 27/6/2005. Về việc nuôi con và cấp dưỡng cho con sau ly hôn quan điểm của ông là con trai Phạm Văn H đã thành niên và có đủ khả năng lao động, con gái Phạm Thị Mai A còn nhỏ đề nghị Tòa án xét nguyện vọng cháu muốn ở với ai thì Tòa án giao cho người đó nuôi. Hiện ông đang hợp đồng làm bảo vệ tại Bệnh viện đa khoa Thủy Nguyên. Nếu Tòa án giao con gái cho ông nuôi thì ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Ông không đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản.

Bà Đồng Thị Mai H là bị đơn (qua bản khai và tại phiên tòa) trình bày nội dung về quan hệ hôn nhân, về con chung với ông Phạm Văn N đúng như ông N khai. Bà không đồng ý việc ông N cho rằng có mâu thuẫn với bà. Lý do mâu thuẫn mà ông N đưa ra là không đúng. Bà không đồng ý ly hôn với ông N vì bà vẫn lo lắng cho gia đình, lo cho các con và bà không có lỗi gì để ông N pH ly hôn với bà. Về con chung, bà có ý kiến cháu Phạm Văn H đã lớn, cháu Phạm Thị Mai A là con gái đang tuổi dậy thì, từ trước đến nay bà vẫn là người nuôi dưỡng chăm sóc các con. Do đó, nếu pH ly hôn bà mong muốn được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông N cấp dưỡng cho con. Bà cũng không đề nghị Tòa án quyết chia tài sản với ông N.

Xác minh tại địa phương, Trưởng thôn 1, xã T, huyện T (nơi cư trú của ông N bà H) cung cấp thông tin: Hiện nay ông N bà H vẫn sống chung, vẫn vui vẻ, hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì, địa phương chưa pH hòa giải hay can thiệp gì vào cuộc sống của ông N bà H.

Cháu Phạm Thị Mai A gửi đơn đề nghị Tòa án không cho bố mẹ (là ông N bà H) ly hôn vì cháu muốn ở chung với cả bố và mẹ. Ông Phạm Văn Quả và bà Nguyễn Thị Thuần là bố mẹ đẻ của ông N có đơn nêu mâu thuẫn giữa con trai và con dâu chỉ là nhỏ, tuy tuổi ông N và bà H cao nhưng suy nghĩ chưa chín chắn nên đề nghị Tòa án không giải quyết cho ông N ly hôn với bà H.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc nuôi dưỡng con chung đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con chung để giải quyết trên cơ sở pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về yêu cầu ly hôn của ông Phạm Văn N với bà Đồng Thị Mai H

Ông N và bà H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng nhận đăng ký kết hôn. Do đó, kết hôn giữa ông N và bà H là hợp pháp. Ông N quyết tâm xin ly hôn với lý do bà H sống không trung thực với ông, ông và bà H không có tiếng nói chung, ông không còn tình cảm với bà H. Vì không còn tình cảm nên cuộc sống chung giữa ông với bà H ngày càng căng thẳng, ảnh hưởng tiêu cực đến tình cảm giữa hai người cũng như với các thành viên trong gia đình. Bà H không muốn ly hôn với ông N vì sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của các con. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhưng ông N vẫn giữ quan điểm ly hôn, bà H không muốn ly hôn nhưng cũng không làm thế nào để ông N thay đổi quan điểm. Xét tình cảm vợ chồng pH được vun đắp của hai bên. Khi một bên quyết tâm chấm dứt thì sự cố gắng chỉ từ một phía sẽ không giữ được đích đến của hôn nhân. Qua đó chứng minh quan hệ giữa ông N và bà H đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N xin ly hôn với bà H.

[2] Về nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn

Ông N và bà H có hai con chung là Phạm Văn H sinh ngày 24/02/1992 và Phạm Thị Mai A sinh ngày 27/6/2005. Cháu H đã thành niên và có khả năng lao động. Cháu A không thể hiện nguyện vọng muốn được bố hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng sau khi bố mẹ ly hôn. Ông N có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết việc ai sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu A theo nguyện vọng của cháu. Bà H mong muốn được trực tiếp nuôi con. Xét ông N và bà H đều có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn nhưng bà H có quan điểm muốn được trực tiếp nuôi con. Căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con trên cơ sở điều kiện, hoàn cảnh của hiện tại của ông N bà H, Hội đồng xét xử xét giao cháu A cho bà H trực tiếp nuôi là phù hợp với lợi ích của cháu. Cấp dưỡng cho con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên bà H không đề nghị ông N cấp dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không buộc ông N pH cấp dưỡng cho con.

[3] Ông Phạm Văn N và bà Đồng Thị Mai H không đề nghị chia tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Ông Phạm Văn N pH chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

- Cho ông Phạm Văn N ly hôn với bà Đồng Thị Mai H.

- Giao cho bà Đồng Thị Mai H được trực tiếp nuôi dưỡng con là Phạm Thị Mai A, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2005 đến khi con thành niên và có khả năng lao động, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ông Phạm Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Ông Phạm Văn N pH nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp (ghi trong biên lai thu số 0000826 ngày 11/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên), ông Phạm Văn N đã nộp đủ án phí.

- Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014 thì người được thi hành án, người pH thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND, CCTHADS H. Thủy Nguyên;
- TANDTP. H Phòng;
- UBND xã Thủy Sơn, H. Thủy Nguyên
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quốc Phương**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quốc Phương**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN.....(1)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:(2)...../...../.....

Ngày:(3) .....-.....-.....

V/v tranh chấp(4).....

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN (5).....**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:(6)**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông (Bà).....

*Thẩm phán:* Ông (Bà) .....

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông (Bà).....

2. Ông (Bà).....

3. Ông (Bà).....

**- Thư ký phiên tòa:** Ông (Bà).....(7)

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân(8)..... tham gia phiên tòa:**

Ông (Bà).....-Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....(9) tại .....

xét xử sơ thẩm công khai(10) vụ án thụ lý số:...../...../TLST-.....(11)

ngày..... tháng..... năm..... về tranh chấp.....(12)

theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:...../...../QĐXX-ST ngày.....

tháng..... năm..... giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:(13).....

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:(14) .....*

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:(15) .....*

2. Bị đơn: (16) .....

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:(17) .....*

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:(18) .....*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có yêu cầu độc lập, tham gia tố tụng với bên nguyên đơn hoặc tham gia tố tụng với bên bị đơn):(19).....  
 Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:(20) .....  
 Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:(21).....  
 4. Người làm chứng(22) .....  
 5. Người giám định:(23).....  
 6. Người phiên dịch:(24) .....

### **NỘI DUNG VỤ ÁN: (25)**

.....  
 .....  
 .....

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:(26)**

- [1] .....  
 [2] .....  
 [3] .....

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào.....(27) .....

(28): .....

..... (2  
 9)



